

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2019/DS-PT**

Ngày: 15-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phương

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Thành Dương

Ông Võ Văn Toàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Đức Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2019/QĐ-PT ngày 02/5/2019, các quyết định hoãn phiên tòa số 221/2019/QĐ-PT ngày 31/5/2019, số 264/2019/QĐ-PT ngày 28/6/2019, thông báo thay đổi lịch số 342/TB-TA ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969.

Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1970.

Cùng cư trú tại nhà số 211, đường 30/4, khu phố H, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà T:* Bà Đinh Thị Thúy H, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú tại số nhà 1, Tổ 7, Ấp 2, xã N, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018 do UBND phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương chứng thực).

2. Bị đơn: Ông Đinh Triều P, sinh năm 1983.

Bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V, sinh năm 1980.

Cùng cư trú tại nhà số 255, ấp T, xã TS, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông P:* Bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019 do UBND xã TS, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chứng thực).

3. *Người làm chứng:* Ông Đinh Tuấn Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1957, nơi cư trú: ấp T, xã TS, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Ngọc Diệp Ngân V.

5. *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

(Các ông bà H, V, Đức có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo án sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2016 nguyên đơn cho bị đơn vay tiền để buôn bán hàng hóa, làm kinh tế gia đình 04 lần: ngày 22/02/2016 cho vay 300.000.000 đồng; ngày 23/3/2016 cho vay 100.000.000 đồng; ngày 23/6/2016 cho vay 100.000.000 đồng và ngày 29/6/2016 cho vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc bên bị đơn đã nhận của bên nguyên đơn là 600.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản thực hiện bằng lời nói, không tính lãi suất, thời hạn cho vay từ 10 ngày đến 15 ngày bên bị đơn phải trả tiền vay với nguyên đơn.

Từ ngày bị đơn vay tiền lần thứ nhất đến lần thứ tư, bị đơn đã trả nợ gốc được 80.000.000 đồng, còn nợ nguyên đơn 520.000.000 đồng.

Đến tháng 11 năm 2016, bị đơn làm giấy xác nhận vay tiền của nguyên đơn 550.000.000 đồng. Sau tháng 11 năm 2016 người làm chứng ông Đinh Tuấn Đức có nhận 10.000.000 đồng của bị đơn gửi trả tiền lãi cho nguyên đơn và nguyên đơn có nhận số tiền lãi này từ ông Đức. Tháng 12 năm 2016, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện trách nhiệm trả tiền vay nhưng bị đơn không có tiền để trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi vay là 0,834% mỗi tháng đối với số tiền nợ gốc 520.000.000 đồng, tính từ tháng 12/2016 đến ngày Tòa án xét xử vụ án và trừ lại 10.000.000 đồng tiền lãi bên bị đơn đã trả sau khi vay tiền, đồng thời yêu cầu bên bị

đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất là 0,834% mỗi tháng đối với số tiền bên bị đơn chưa thanh toán sau ngày Tòa án giải quyết vụ án đến ngày bị đơn thanh toán đủ số tiền vay với bên nguyên đơn.

*\* Theo án sơ thẩm, bị đơn Phạm Ngọc Diệp Ngân V trình bày:*

Trong các ngày 22/02/2016, 23/3/2016, 23/6/2016, 29/6/2016 vợ chồng bà có nhận số tiền là 600.000.000 đồng của nguyên đơn nhưng có 200.000.000 đồng là tiền vay, còn lại 400.000.000 đồng là tiền nguyên đơn gửi để trả nợ bị đơn trong quan hệ giao dịch dân sự khác, không phải là tiền bị đơn vay của nguyên đơn; hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền vay nợ gốc, có thỏa thuận tính lãi 30% mỗi tháng, trả tiền lãi cố định 01 tháng trả 01 lần. Bên bị đơn đã thanh toán tiền vay nợ gốc với bên nguyên đơn được 80.000.000 đồng (tính đến tháng 10/2016). Đến tháng 11/2016 vợ chồng bị đơn có làm giấy vay tiền, chốt nợ với nguyên đơn là 550.000.000 đồng. Đến tháng 12/2016 nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nhưng bị đơn chưa có tiền để trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn có trả tiền lãi là 25.000.000 đồng với ông Đức để thanh toán tiền lãi với bên nguyên đơn.

*\* Theo bị đơn Đinh Triều P trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến của bà V, đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các bên đương sự từ tháng 11/2016, thời điểm hai bên làm giấy chốt nợ, không giải quyết các tranh chấp dân sự phát sinh trước ngày làm giấy chốt nợ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 5, 144, khoản 1 Điều 147, 235, 273, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 471, 473, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Bị đơn là ông Đinh Triều P và bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vay nợ gốc và tiền lãi với nguyên đơn là ông Nguyễn*

Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh T là 608.315.200đ (sáu trăm lẻ tám triệu, ba trăm mười lăm nghìn, hai trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018, bị đơn bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V kháng cáo bản án sơ thẩm với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại số tiền nợ gốc và lãi bà đã đóng cho ông K, bà T, cụ thể tiền gốc 400.000.000 đồng, lãi 557.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú ký quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 20/11/2018 của TAND huyện Tân Phú đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

#### **Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục hoà giải vào ngày 14/8/2018, 21/8/2018 khi trong biên bản hoà giải không có thư ký tham gia là vi phạm Điều 269 BLTTDS. Tuy nhiên ngày 25/9/2018, Tòa án sơ thẩm cho tiến hành hoà giải với đầy đủ thành phần các đương sự tham gia. Về mặt tố tụng là có vi phạm nhưng về nội dung hoà giải, các đương sự không có thắc mắc, khiếu nại và không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án nên kiến nghị yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

- Về nội dung kháng nghị của VKS cho rằng Tòa án sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa nguyên đơn với bị đơn, người làm chứng là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, tại hồ sơ cũng như phiên tòa sơ thẩm đủ cơ sở chứng cứ xác định ông P, bà V có nợ ông K, bà T số tiền 550.000.000 đồng (giấy nhận nợ). Nội dung kháng nghị này của VKSND huyện Tân Phú là không có căn cứ nên Kiểm sát viên tham gia

phiên tòa phúc thẩm rút phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

- Về đường lối giải quyết: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 520.000.000 đồng, đây là ý chí tự nguyện nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Các đương sự thống nhất tiền nợ gốc là 520.000.000 đồng, thời điểm vay tiền là tháng 11/2016, nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền lãi 10.000.000 đồng của bị đơn.

Về cách tính lãi suất, Tòa án sơ thẩm tính lãi suất phát sinh kể từ tháng 12/2016 đến ngày xét xử 20/11/2018. Việc tính lãi suất như trên là không đúng pháp luật nên kháng nghị của VKS huyện Tân Phú có nội dung tính lại lãi suất theo quy định là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: đây là trường hợp vay tài sản không kỳ hạn, không thoả thuận lãi suất thì căn cứ các Điều 466, 469 BLDS thời gian tính lãi suất bắt đầu tính kể từ thời điểm nguyên đơn có đơn khởi kiện và đến hết “thời gian hợp lý” là sau 3 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thống nhất thời gian yêu cầu thanh toán nợ từ khoảng tháng 6/2017, do đó thời gian tính lãi suất được tính bắt đầu từ tháng 9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/11/2018 với mức lãi suất theo luật định là 10%/năm (tương đương 0,834 %/tháng).

Từ những nhận định trên, xét một phần kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKS huyện Tân Phú là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của VKS huyện Tân Phú. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú về phần tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét kháng cáo của bà V về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V đề nghị xem xét lại số tiền gốc 400.000.000 đồng bà đã chuyển khoản cho ông K qua Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền, giấy nộp tiền ngày 10/02/2016 tại Ngân hàng Sacombank. Xét thấy, tại giấy chuyển tiền thể hiện bà V thực hiện việc chuyển tiền ngày 10/02/2016, không thể hiện nội dung bà chuyển cho ông K 400.000.000 đồng là mục đích gì, trong khi bà V sau đó lại viết Giấy vay tiền với số tiền nợ là 550.000.000 đồng (theo bà thừa nhận là viết vào tháng 11 năm 2016). Do vậy việc bà V cho rằng bà đã trả cho ông K 400.000.000 đồng nhưng sau đó vẫn viết giấy vay nợ đối với phần tiền vay đã trả là không hợp lý. Ngoài chứng cứ Giấy chuyển tiền ra, bà V cũng không có chứng cứ gì khác nên kháng cáo của bà V đối với phần tiền vay gốc không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà V về số tiền lãi ông P, bà V đã trả cho ông K, bà T: Bà V cho rằng bà đã trả cho nguyên đơn tiền lãi nhiều lần với tổng số tiền là 557.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã trả lãi cho ông K, bà T; người đại diện cho nguyên đơn bà Hà cũng không thừa nhận điều này. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà V.

[5] Xét thấy, nội dung giấy vay tiền không thể hiện về thời hạn vay và lãi suất vay. Phía nguyên đơn thì khai việc vay giữa hai bên không có lãi, bị đơn bà V cũng thừa nhận sau khi viết giấy vay tiền bà cũng không có trả lãi cho nguyên đơn. Từ đó xác định đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V cho rằng nguyên đơn có yêu cầu bà và ông P trả nợ gốc là vào tháng 06 năm 2017; bà Hà đại diện cho nguyên đơn cũng thống nhất ý kiến của bà V, đồng ý lấy thời điểm tháng 06 năm 2017 là thời điểm nguyên đơn bắt đầu có yêu cầu đòi lại tiền vay nên ghi nhận ý kiến này của các đương sự.

[6] Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Thời gian hợp lý để người vay sắp xếp việc trả nợ được tính là 03 tháng. Do bà Hà, bà V thống nhất lấy tháng 6 năm 2017 là thời điểm có yêu cầu trả nợ gốc nhưng không xác định ngày cụ thể, trong khi ngày xét xử sơ thẩm là 20/11/2018 nên để có lợi cho bị đơn và tròn tháng thì thời gian chậm trả của bị đơn sẽ được tính từ ngày 20/9/2017 đến 20/11/2018 (14 tháng). Sửa bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi.

[7] Hợp đồng vay tài sản này được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp. Theo ý kiến của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,834%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và có lợi cho bị đơn về nên lãi được tính như sau:  $520.000.000 \text{ đồng} \times 0,834\% \times 14 \text{ tháng} = 60.715.000 \text{ đồng}$  (làm tròn số).

[8] Phía nguyên đơn thừa nhận đã nhận 10.000.000 đồng tiền lãi do bị đơn trả thông qua ông Đức và đồng ý trừ vào tiền lãi nên tiền lãi còn lại là:  $60.715.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 50.715.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng số tiền mà bà V và ông P phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông K, bà T là 570.715.000 đồng (trong đó tiền gốc là 520.000.000 đồng, tiền lãi là 50.715.000 đồng).

[9] Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/3/2018 thể hiện nguyên đơn ông K, bà T yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 550.000.000 đồng. Quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đinh Thị Thúy Hà có thay đổi yêu cầu khởi kiện thông qua các bản khai, biên bản hòa giải (bút lục 27, 78) đối với số tiền gốc từ 550.000.000 đồng còn 520.000.000 đồng. Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự làm đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện mà vẫn chấp nhận xem xét giải quyết là vi phạm tố tụng nhưng do việc thay đổi này là có lợi cho bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không phản đối việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này nên chỉ cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm. Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm lập Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/4/2018 (bút lục 29d) không có chữ ký của thư ký phiên họp, Biên bản hòa giải ngày 18/4/2018 (bút lục 29c), Biên bản hòa giải (bút lục 44a) không có ngày tháng năm, không có chữ ký của thư ký và bị đánh gạch chéo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành phần tham gia phiên họp nhưng do Tòa án đã có tiến hành các phiên hòa giải, công khai chứng cứ sau đó đúng, đủ thành phần theo quy định nên rút kinh nghiệm điều này đối với cấp sơ thẩm.

[10] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát về vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm khi không tiến hành đối chất giữa các đương sự và người làm chứng... tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đã rút kháng nghị về phần này nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

[11] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát về việc cấp sơ thẩm tính lãi suất không đúng quy định pháp luật: Xét thấy cấp sơ thẩm đã xác định thời gian nguyên đơn đòi nợ là từ tháng 12 năm 2016 từ sự thừa nhận của các bên đương sự, nhưng

tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất lấy thời gian đòi nợ là vào tháng 6 năm 2017 nên cấp phúc thẩm ghi nhận ý kiến mới của các bên, tính lại thời gian, tuy nhiên việc cấp sơ thẩm không áp dụng đúng Điều 469 Bộ luật dân sự để thêm thời gian hợp lý để bị đơn thực hiện việc trả nợ là không đúng quy định pháp luật nên kháng nghị này của Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú về việc vi phạm tố tụng dân sự do Kiểm sát viên tại phiên tòa rút kháng nghị.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 5, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 471, 473, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 357, 463, 466, 468, 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;



- Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Đinh Triều P và bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V.

Ông Đinh Triều P và bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền là 570.715.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) (trong đó tiền gốc là 520.000.000 đồng, tiền lãi là 50.715.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn (P, V) còn phải tiếp tục trả tiền lãi đối với tiền vay nợ gốc chưa thanh toán và kể từ ngày Bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Triều P và bà Phạm Ngọc Diệp Ngân V phải liên đới chịu án phí là 26.828.600 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông K, bà T tiền tạm ứng án phí là 14.560.000 đồng (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009157 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 007193 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Phượng**